

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST.

Ngày: 17/6/2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Phần;

2. Ông Vũ Xuân Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2020/TLST- DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Thông báo xét xử vụ án số 10/QĐST - DS, ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T (TPBank); địa chỉ: số 57, p, phường T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Vũ Nghị L, sinh năm 1983 - Chuyên viên Ngân hàng TMCP T; địa chỉ: số 57, p, phường T, quận H, thành phố Hà Nội;

- Bị đơn: Anh Phan Thanh A, sinh năm 1989 và chị Phạm Thị G, sinh năm 1992; đều có địa chỉ: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt ông L; vắng mặt anh An, chị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2019 và bản tự khai cùng lời khai tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là TPBank) là ông Vũ Nghị L trình bày:

Ông Phan Thanh A và bà Phạm Thị G vay tiền tại TPBank theo hợp đồng cho vay số: 205/2017/HDTD/THN/01 ký ngày 03/11/2017 với số tiền 520.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn là thanh toán tiền mua xe ô tô; thời hạn vay 72 tháng; lãi suất trong hạn áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 03/11/2018 là: 7,9%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 03/11/2023 là thay đổi 03 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,15%/ năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; tài khoản trả nợ: 01857593301; kỳ hạn trả nợ lãi 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng; kỳ hạn trả nợ gốc: Trả nợ nhiều lần theo lịch trả nợ do TPBank gửi khách hàng, định kỳ 1 tháng/lần (mỗi tháng trả tiền gốc là: 7.222.222 đồng). Hàng tháng TPBank sẽ gửi tin nhắn cho khách hàng vào số điện thoại mà khách hàng đăng ký với TPBank về số tiền gốc lãi và những sự thay đổi lãi suất trong hợp đồng tín dụng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3, màu xanh, số khung RN2BN4AA6HC073543, số máy P520459728, biển kiểm soát 18A- 099.81 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015226 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Nam Định cấp ngày 03/11/2017 cho ông Phan Thanh A. Tại thời điểm cho vay vợ chồng ông Phan Thanh An và TPBank thống nhất định giá tài sản trên là: 650.000.000 đồng. Theo đó TPBank đã giải ngân số tiền cho vay trên cho anh A và chị G và tiến hành thủ tục đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội ngày 03/11/2017, hiện đăng ký bản gốc hiện do TPBank nắm giữ. Thời gian đầu anh A và chị G thực hiện đúng theo hợp đồng nhưng từ ngày 27/11/2017 anh chị không trả tiền theo thỏa thuận lên TPBank đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay của anh chị. Ngày 06/06/2019 TPBank đã ra thông báo thu hồi trước hạn toàn bộ khoản nợ trên. Ngày 25 tháng 12 năm 2019, TPBank đã khởi kiện ông Phan Thanh A và bà Phạm Thị G tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường. Trong đơn khởi kiện, TPBank tạm tính số nợ đến ngày 17/12/2019 là 412.816.038 đồng (trong đó gốc 384.159.080 đồng và lãi 28.656.958 đồng). Ngày 31/12/2019 trên tài khoản của anh An có số tiền 30.000.000 đồng, TPBank đã thu số tiền này và trừ vào khoản nợ gốc là: 15.825.742 đồng và khoản nợ lãi là: 14.174.258 đồng, ngày 12/02/2020 tài khoản anh A có tiếp số tiền là 12.000.000 đồng, ngày 23/3/2020 tài khoản có số tiền là 10.000.000 đồng, TPBank đã trừ vào khoản vay và vào lãi theo quy định. Tính đến ngày 17/6/2020, anh A, chị G đã trả được số tiền gốc là 166.111.106 đồng, tiền gốc còn nợ là 353.888.894 đồng.

Tổng số tiền lãi kể từ ngày vay đến ngày 17/6/2020 anh chị phải trả là 122.772.726 đồng (bao gồm cả lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt lãi quá hạn). Anh A và chị G đã thanh toán được 89.742.343 đồng, còn nợ là 33.030.383 đồng.

Cả tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/6/2020 còn nợ là: 386.919.277 đồng.

Nay TPBank yêu cầu anh A, chị G phải thanh toán số tiền trên và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên. Trong trường hợp anh chị không trả, đề nghị Tòa án tuyên trong bản án: Ngân

hàng TPBank có quyền tự mình hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA3, biển kiểm soát 18A - 099.81

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các giấy báo, giấy triệu tập theo quy định của pháp luật cho bị đơn là anh Phan Thanh A và chị Phạm Thị G đến Tòa án làm nhưng anh A và chị G không đến cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi đến Tòa án. Kết quả xác minh tại địa phương: Anh A và chị G vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, thỉnh thoảng có về. Hiện nay anh A, chị G không có mặt tại địa phương hiện đang làm ăn ở đâu không có địa chỉ, không có người thân nào ở nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 299, 301, 320, 323 của Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền là 386.919.277 đồng, trong đó nợ gốc là 353.888.894 đồng, nợ lãi tính đến ngày 17/6/2020 là 33.030.383 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt và đây là lần thứ 2 các đương sự này vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Để có cơ sở xem xét chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của đương sự thì cần xem xét một cách khách quan và toàn diện tài liệu chứng cứ, quy định của pháp luật trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử có nhận định, đánh giá cụ thể như sau: Về yêu cầu khởi kiện: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ngay sau khi giao kết hợp đồng vay vốn, TPBank đã giải ngân khoản tiền vay cho anh A, chị G. Theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn và các tài liệu liên quan thì: thời hạn vay 72 tháng, kỳ hạn trả nợ lãi 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng, kỳ hạn trả nợ gốc định kỳ 1 tháng/lần (mỗi tháng là 7.222.222 đồng); hàng tháng TPBank sẽ gửi tin nhắn cho bên vay vào số điện thoại mà bên vay đăng ký với TPBank về số tiền gốc lãi và những sự thay đổi lãi suất trong hợp đồng tín dụng; nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả gốc và lãi) thì TPBank có quyền thu hồi trước hạn toàn bộ khoản nợ. Thực tế TPBank đã giải ngân khoản tiền vay vào ngày 03/11/2017 nhưng

anh A và chị G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận từ ngày 27/11/2017 và những kỳ trả gốc và lãi tiếp theo nên ngày 06/06/2019 TPBank đã ra thông báo thu hồi trước hạn toàn bộ khoản nợ trên đối với anh A chị G nhưng anh A chị G không thực hiện việc thanh toán toàn bộ. Vì vậy, việc TPBank khởi kiện yêu cầu anh A, chị G trả nợ là có căn cứ.

[3] Về việc giao kết vay vốn: Mặc dù trong suốt quá trình tố tụng, vợ chồng anh A, chị G không đến Tòa án làm việc nhưng hồ sơ vay vốn giữa các bên đã được xác lập đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Ngày 03/11/2017, anh Phan Thanh A và chị Phạm Thị G có vay của Ngân hàng TPBank số tiền 520,000,000 đồng thông qua hợp đồng vay vốn số 205/2017/HDTD/THN/01. Mục đích vay mua ô tô, thời hạn vay: 72 tháng; lãi suất trong hạn: Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 03/11/2018 là: 7,9%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 03/11/2023, lãi suất thay đổi 03 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,15%/ năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3, màu xanh, biển kiểm soát 18A- 099.81, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Phan Thanh A. Các bên có ký kết hợp đồng thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ gốc: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án kể từ khi nhận tiền vay, anh A, chị G đã trả được 166.111.106 đồng tiền gốc, cụ thể: ngày 28/11/2017, 26/12/2017 mỗi ngày trả 7.222.222 đồng, ngày 26/01/2018 trả 7.201.709 đồng, ngày 29/01/2018 trả 20.513 đồng; các ngày 28/02/2018, 27/3/2018, 04/5/2018, 26/5/2018, 27/6/2018, 27/7/2018, 31/8/2018, 02/10/2018, 04/01/2019, 23/02/2019, 12/02/2020, ngày 23/3/2020 mỗi ngày trả 7.222.222 đồng, ngày 01/11/2018 trả 7.155.522 đồng, ngày 03/11/2018 trả 66.700 đồng, ngày 30/11/2018 trả 5.825.862 đồng, ngày 05/12/2018 trả 1.396.360 đồng, ngày 07/3/2019 trả 1.799.298 đồng, ngày 14/3/2019 trả 5.422.924 đồng, ngày 09/4/2019 trả 4.125.524 đồng, ngày 11/6/2019 trả 10.318.920 đồng, ngày 20/6/2019 trả 5.840.924 đồng, ngày 31/12/2019 trả 15.825.742 đồng. Như vậy, đến nay anh A, chị G còn nợ ngân hàng TPBank số tiền là: 520.000.000đồng - 166.111.106 đồng = 353.888.894 đồng là đúng nên cần chấp nhận số tiền gốc mà nguyên đơn yêu cầu.

[5] Về nghĩa vụ trả lãi: Đây là tranh chấp dân sự giữa tổ chức tín dụng với cá nhân nên áp dụng mức lãi suất theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Do anh A và chị G vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 27/11/2017 nên thời gian chậm trả tiền nợ gốc và thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc bắt đầu tính từ ngày 27/11/2017. Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2020/NQ – HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì lãi được xác định: “*Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo*

thỏa thuận các bên nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng...; trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”. Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Luật các tổ chức tín dụng 2010 thì “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Giữa TPBank và anh A, chị G đã thỏa thuận về lãi suất, lãi suất quá hạn trong các hợp đồng vay vốn là lãi suất kể từ sau ngày 03/11/2018 đến ngày 03/11/2023 thay đổi 03 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,15%/ năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Theo hợp đồng, anh A và chị G trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, nếu quá thời hạn này thì sẽ chuyển sang lãi quá hạn. Căn cứ vào các quyết định quy định về lãi suất của TPBank qua các thời kỳ, hợp đồng vay vốn, bảng theo dõi tính lãi trong kỳ, lãi quá hạn, phạt trên lãi quá hạn và sổ phụ chi tiết tài khoản vay có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận mức tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt lãi quá hạn theo các tài liệu này. Tính đến ngày 17/6/2020, tổng số tiền gốc anh A, chị G đã thanh toán cho TPBank là 166.111.106 đồng, còn nợ lại là 353.888.894 đồng, tổng số tiền lãi (bao gồm lãi trong kỳ, lãi quá hạn, phạt trên lãi quá hạn) anh A, chị G phải thanh toán là 122.772.726 đồng, đã thanh toán 89.742.343 đồng, còn nợ 33.030.383 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/6/2020 là 386.919.277 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử buộc anh A và chị G phải có trách nhiệm thanh toán cho TPBank tổng số tiền 386.919.277 đồng, trong đó nợ gốc là 353.888.894 đồng, nợ lãi tính đến ngày 17/6/2020 là 33.030.383 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh A, chị G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

[7] Về tài sản đảm bảo: Khi giao kết hợp đồng vay vốn, giữa Ngân hàng TPBank và anh A, chị G có giao kết hợp đồng thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3, màu xanh, số khung RN2BN4AA6HC073543, số máy P520459728, biển kiểm soát 18A-099.81 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015226 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Nam Định cấp ngày 03/11/2017 đứng tên Phan Thanh A. Nội dung của hợp đồng này thể hiện Ngân hàng TPBank có quyền xử lý tài sản thế chấp khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, hợp đồng vay vốn giữa Ngân hàng TPBank với anh A, chị G là hợp đồng có thế chấp bảo đảm. Thực tế anh A, chị G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TPBank nên theo thỏa thuận của các bên Ngân hàng TPBank được xử lý tài sản

bảo đảm. Căn cứ vào Điều 299 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử giao cho Ngân hàng TPBank được quyền xử lý xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3 biển kiểm soát 18A-099.81 của anh A và chị G để thu hồi vốn nếu anh A và chị G không thanh toán nợ.

[8] Về án phí: Anh Phan Thanh A và chị Phạm Thị G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 463, 466, 299, 301, 320, 323 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T (TPBank) đối với anh Phan Thanh A và chị Phạm Thị G;

2. Buộc anh Phan Thanh A và chị Phạm Thị G phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền là 386.919.277 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười chín ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó tiền nợ gốc là 353.888.894 đồng, tiền nợ lãi là 33.030.383 đồng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/6/2020).

3. Ngân hàng TMCP T được thanh toán số tiền 386.919.277 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 353.888.894 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười chín ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng, tiền nợ lãi là 33.030.383 đồng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/6/2020), từ anh Phan Thanh A và chị Phạm Thị G.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Phan Thanh An và chị Phạm Thị G không thanh toán khoản tiền trên cho Ngân hàng TMCP T thì Ngân hàng TMCP T có quyền được phát mại xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3, màu xanh, số khung RN2BN4AA6HC073543, số máy P520459728, biển kiểm soát 18A- 099.81 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015226 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Nam Định cấp ngày 03/11/2017 đứng tên Phan Thanh An. Nếu số tiền phát mại xe ô tô lớn hơn số tiền anh A chị G phải trả thì Ngân hàng T có trách nhiệm thanh toán lại số tiền chênh lệch cho anh A, chị G nhưng nếu số tiền phát mại nhỏ hơn số tiền anh A chị G phải trả thì anh chị còn phải thanh toán khoản tiền chênh lệch cho Ngân hàng TPBank sau khi đối trừ số tiền có được từ phát mại xe ô tô.

5. Về án phí: Anh Phan Thanh A và chị Phạm Thị G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 19.346.000đ (mười chín triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Trả lại ngân hàng TPBank số tiền 10. 300.000đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0001693 ngày 08/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Dương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phạm Ngọc Long

